

Số: 73/2026/QĐST- HNGĐ

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 95/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, giữa:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT: thôn C, xã C, tỉnh Hưng Yên; Quê quán, trú tại: thôn Y, xã K, tỉnh Ninh Bình.

**2. Bị đơn:** anh Trần Ngọc T1, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT, trú tại: thôn C, xã C, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc T1.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc T1 cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** chị T và anh T1 đều khẳng định không có con chung.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp chung với hai bên gia đình:** chị T và anh T1 khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Toà án đặt ra giải quyết.

**2.4. Về án phí:** Chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001207 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T được hoàn trả 150.000đ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;*
- *UBND xã Chí Minh;*
- *Phòng THADS khu vực 3 – Hưng Yên;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**LÊ TRUNG KIÊN**